TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14/7/2017.
V/v: Ly hôn giữa bà T và ông H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà Giang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trịnh Thúc Lân**

2. Bà **Vũ Thị Thi**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Hồ Thị Quyên.**

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai- Lâm Đồng tham gia phiên toà:* Bà **Hà Thị Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2017/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2017 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị T** – sinh năm 1992

Trú tại: Tổ dân phố 7 – thị trấn Đ – huyện H – tỉnh Lâm Đồng.

(Bà T có mặt)

2. Bị đơn : Ông **Đinh Duy H** – sinh năm 1989

Trú tại: Tổ dân phố 8 – thị trấn Đ – huyện H – tỉnh Lâm Đồng.

(Ông H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau một thời gian được hai bên gia đình cho phép cùng chung sống với nhau, không tổ chức đám cưới. Đến ngày 19/10/2012 bà T và ông H tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2012, quyển số 01/2007 ngày 19/10/2012. Trong suốt khoảng thời gian chung sống

vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau ảnh hưởng đến cuộc sống chung của vợ chồng và gia đình bên chồng. Bà T đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng cuộc sống chung vẫn không có được hạnh phúc như mong muốn. Tình trạng trên kéo dài khiến cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, tình yêu thương dành cho nhau không còn trọn vẹn như trước đây nữa. Ông H thường xuyên uống rượu bia, không chăm lo cho gia đình; ông H lại là người có tính ghen tuông vô cớ, không tin tưởng bà T dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau không tôn trọng nhau, ông H còn thường xuyên đánh đập bà T. Đến tháng 10/2016 thì bà T dọn ra ngoài sống cho đến nay, trong suốt khoảng thời gian sống ly thân không ai liên lạc với ai, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Xét thấy hôn nhân không đạt được mục đích nên tháng 3 năm 2017 bà Bùi Thị T đã nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Đinh Duy H.

Về con chung: Trong quá trình chung bà T và ông H không có con chung.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống bà T và ông H không có tài sản chung;

Về công nợ chung: Trong quá trình chung sống bà T và ông H không có công nợ chung;

Ngoài ra bà Bùi Thị T không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

Do ông Đinh Duy H không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập của Thẩm phán nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông H về nội dung của vụ án.

Vụ án đã được Tòa án đưa ra hòa giải nhiều lần nhưng do bị đơn ông Đinh Duy H vắng mặt không có lý do, vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn trình bày về việc xác lập quan hệ hôn nhân như lời trình bày của bà T là đúng, còn về mâu thuẫn gia đình thì không đúng như lời trình bày của bà T, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên ông không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên qua phần tranh luận thì bị đơn lại thống nhất ly hôn như yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung bị đơn thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật về tố tụng.

- Nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

- Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung của vụ án:

Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân của bà T và ông H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T có đơn yêu cầu ly hôn với ông H nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà T và ông H xác nhận trong quá trinh chung sống không có con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà T trình bày trong quá trình chung sống bà T và ông H không có tài sản chung, ông H không trình bày hay yêu cầu gì về tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về công nợ chung: Bà T trình bày không có công nợ chung, không ai yêu cầu bà T, ông H thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

+ Tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp: 01 Trích lục kết hôn (bản sao), 01 Giấy chứng minh nhân dân của bà Bùi Thị T (bản sao); 01 sổ hộ khẩu chủ hộ là ông Đinh Duy H (bản sao), 01 đơn xin ly hôn ngày 13/3/2017; Đơn xác nhận ngày 13/3/2017 (bản chính);

+ Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập: 01 bản tự khai ngày 23/3/2017 của bà Bùi Thị T; 01 biên bản xác minh ngày 19/4/2017; 01 biên bản xác minh ngày 16/6/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: bà Bùi Thị T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết xin ly hôn đối với ông Đinh Duy H có địa chỉ cư trú tại tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà T và ông H có quan hệ hôn nhân hợp pháp và có yêu cầu Tòa án xin ly hôn. Vì vậy cần xác định quan hệ tranh chấp là xin ly hôn theo Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H sau một thời gian tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau đã quyết định sống chung và được sự cho phép của hai bên gia đình, có tiến hành đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2012, quyển số 01/2007 ngày 19/10/2012. Như vậy hôn nhân của bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp; bà T xin ly hôn với ông H là có cơ sở.

Qua xác minh được biết, hôn nhân của bà T và ông H không đạt được mục đích, tuy không có cãi nhau, đánh nhau làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự lối xóm nhưng sau khi bà T và ông H kết hôn chỉ sống chung với nhau được một thời gian ngắn rồi mỗi người sống một nơi, không có sự quan tâm đúng nghĩa của vợ chồng giành cho nhau, việc này đã được đại diện Hội liên hiệp phụ nữ thị trấn Đ xác nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T thì bà T cho rằng cuộc sống hôn nhân của bà không đạt được mục đích do ông H không quan tâm chăm lo cho cuộc sống gia đình, thường xuyên uống rượu bia, đánh đập bà T, ghen tuông vô cớ…. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án để thông báo cho ông H biết về yêu cầu khởi kiện của bà T và triệu tập ông H có mặt tại trụ sở Tòa án để trình bày ý kiến của mình về nội dung vụ án cũng như tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H

và bà T nhưng ông H cố tình vắng mặt không hợp tác để hòa giải mẫu thuẫn. Điều này cho thấy bị đơn không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn vợ chồng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn đồng ý ly hôn như yêu cầu của nguyên đơn.

Như vậy đủ nhận thấy hôn nhân của bà T và ông H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn trình bày không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[6] Về án phí: Bà Bùi Thị T khởi kiện ly hôn nên phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Bùi Thị T và ông Đinh Duy H.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0007757 ngày 23/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng. Bà Bùi Thị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND, TAND tỉnh Lâm Đồng;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

- VKSND, THADS Đ;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hà Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trịnh Thúc Lân	**Vũ Thị Thi**	**Nguyễn Thị Hà Giang**